TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 3 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ng Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đoàn

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị B; Sinh năm 1969; Cư trú tại: Ấp Tấn Ng, xã Ng Ch, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Lý Văn Ph; Sinh năm 1968; Cư trú tại: Ấp Tấn Ng, xã Ng Ch, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án bà B trình bày*:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị B chung sống với ông Lý Văn Ph vào năm 1990, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, qua nhiều năm thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình hòa giải hàn gắn nhiều nhưng vẫn không thành. Do anh Ph không cho bà giữ tiền bạc, không cho quản lý kinh tế, không cho đi ra khỏi nhà, uống rượu nhiều chửi mắng xúc phạm danh dự bà, có đánh bà hai lần, đánh một lần bằng cây có Ủy ban nhân dân xã Ng Ch xử phạt và một lần đánh bằng nồi cơm điện đến ngất xỉu. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống vì tình cảm không còn nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Ph.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lý Kiều Ph1, sinh năm 1992 và Lý Thái Ng, sinh năm 1997, các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản: Bà B tự thỏa thuận với ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Bà B xác định không có.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lý Văn Ph trình bày*:

- Về hôn nhân: Bà B chung sống với ông vào năm 1990, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn, hình dạng kích thước màu sắc như thế nào ông không nhớ, hiện tại giấy kết hôn đã mất, khi đi đăng ký kết hôn ông đi cùng mẹ ông chứ không đi cùng bà B, vì bà B không đi. Thời gian chung sống 32 năm nhưng chỉ có khoảng 10 năm hạnh phúc, còn lại đều không hạnh phúc, lý do bà B đưa ra không đúng mà do bà B chơi đánh bài, đánh số khuyên can không nghe nên không cho giữ tiền, có đánh bà B một lần một bạt tay vì đánh bài và bị Ủy ban nhân dân xã Ng Ch xử phạt. Ông Ph xác định không đồng ý ly hôn với bà B;

- Về con chung: Có hai con chung tên Lý Kiều Ph1, sinh năm 1992 và Lý Thái Ng, sinh năm 1997, các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản: Ông Ph tự thỏa thuận với bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ: Ông Ph xác định không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà B và ông Ph chung sống vào năm 1990, ông Ph cho rằng vợ chồng có đi đăng ký kết hôn nhưng chỉ có ông đi đến Ủy ban nhân dân xã còn bà B không đi, việc trình bày của ông Ph không có cơ sở chấp nhận, đồng thời ông cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh việc có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó bà B cho rằng không đăng ký kết hôn là phù hợp. Quá trình chung sống ông, bà đều xác định xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông Ph có đánh bà B, ông Ph xác định vợ chồng sống ly thân khoảng 4 tháng nay nhưng hai bên không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ hôn nhân, điều này cho thấy cho thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình

thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..."*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay ông, bà có đồng ý ly hôn với nhau không mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

[3] Về con chung: Con chung đã trưởng thành không đặt ra yêu cầu xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Ông Ph và bà B xác định tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thìbà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị B và ông Lý Văn Ph.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị B phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiềntạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013601 ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luậtthi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dânsự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hànhán hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thihành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòathì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ng Trúc